

Số: 4036 /QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20/10/2021 của Hội đồng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20/10/2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-ĐHYD ngày 20/6/2022 của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc trình bày đề cương chương trình đào tạo đại học tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Y khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng Hàm Mặt, Dược học, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Hộ sinh, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Kỹ thuật phục hình răng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 14 chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, bao gồm: Y khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng Hàm Mặt, Dược học, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Hộ sinh, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Kỹ thuật phục hình răng (*Kèm theo quyết định này*).

Điều 2. Chương trình đào tạo được thực hiện từ năm học 2023-2024. Trong quá trình thực hiện, các Khoa có nhiệm vụ báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng khoa Y, các sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐH_NLNT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Ngô Quốc Đạt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN NGÀNH GÂY MÊ HỒI SỨC
(BACHELOR OF NURSE ANESTHESIA)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25/9/2023
của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)*

Mã ngành: 7720301 Trình độ đào tạo: Đại học

Số năm đào tạo: 04 Loại hình đào tạo: Chính quy

I. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PLO	Nội dung chuẩn đầu ra và chỉ số đánh giá	KT	KN	Mức TCTN
PLO1	Vận dụng được kiến thức pháp luật, chủ trương, chính sách của nhà nước trong tôn trọng pháp luật, thực hiện trách nhiệm công dân, thể hiện tính chuyên nghiệp trong đạo đức hành nghề PI 1. Vận dụng kiến thức pháp luật, chủ trương chính sách của nhà nước trong tôn trọng pháp luật, thực hiện trách nhiệm công dân. PI 2. Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, thấu cảm, và giải quyết vấn đề hướng đến cải tiến chất lượng, an toàn sức khỏe, lấy người bệnh làm trung tâm.	X		X
PLO2	Vận dụng kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp PI 1. Vận dụng kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo và khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp PI 2. Vận dụng kiến thức và kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học và khả năng tự học, học tích cực và học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp	X	X	X

PLO	Nội dung chuẩn đầu ra và chỉ số đánh giá	KT	KN	Mức TCTN
PLO3	Sử dụng ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và ứng dụng CNTT cơ bản để đáp ứng nhu cầu công việc PI 1. Sử dụng ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để đáp ứng nhu cầu công việc PI 2. Sử dụng một số phần mềm CNTT cơ bản để đáp ứng yêu cầu công việc	X	X	
PLO4	Giao tiếp, làm việc nhóm, hợp tác liên ngành hiệu quả bằng lời, không lời, văn bản phù hợp với văn hóa, bối cảnh và quy định trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. PI 1. Lắng nghe, phản hồi, truyền thông tin chính xác, đầy đủ với đồng nghiệp PI 2. Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh. PI 3. Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp thích hợp với cá nhân, gia đình, cộng đồng có các trở ngại về giao tiếp liên quan đến bệnh lý. PI 4. Thực hiện hợp tác liên ngành hiệu quả lấy người bệnh làm trung tâm.		X	X
PLO5	Áp dụng kiến thức nền tảng từ các nguyên lý cơ bản, quy luật tự nhiên, xã hội nhân văn và khoa học sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp. PI 1. Tích hợp nguyên lý, quy luật về vật lý, hóa học, sinh học trong chăm sóc sức khỏe	X		

PLO	Nội dung chuẩn đầu ra và chỉ số đánh giá	KT	KN	Mức TCTN
	PI 2. Áp dụng nền tảng triết học, xã hội nhân văn và học thuyết điều dưỡng trong phân tích các vấn đề sức khỏe của con người qua các giai đoạn phát triển. PI 3. Ứng dụng kiến thức vi sinh, ký sinh, hóa sinh trong nhận định và biện luận vấn đề sức khỏe.			
PLO6	Can thiệp chăm sóc người bệnh quanh phẫu thuật an toàn và hiệu quả với tư duy phản biện phù hợp với chứng cứ khoa học, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và pháp luật. PI 1. Lập kế hoạch chăm sóc toàn diện đáp ứng nhu cầu sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng PI 2. Thực hiện chăm sóc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp, pháp luật và chứng cứ khoa học PI 3. Đánh giá kết quả và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh.	X	X	X
PLO7	Sử dụng hiệu quả, an toàn các nguồn lực trong thực hành nghề nghiệp PI 1. Sử dụng hiệu quả, an toàn các nguồn lực trong thực hành Gây mê hồi sức PI 2. Ứng dụng những thành tựu trong khoa học sức khỏe và các tiến bộ khoa học công nghệ vào thực hành Gây mê hồi sức.	X	X	X
PLO8	Thiết kế chương trình truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng phù hợp với nhu cầu, niềm tin, văn hóa, bối cảnh và quy định nghề nghiệp. PI 1. Xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng. PI 2. Sử dụng công cụ truyền thông đa phương tiện hiệu quả và thích hợp trong tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, lối sống lành mạnh để phòng ngừa, duy trì và cải thiện sức khỏe. PI 3. Đánh giá kết quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu mong đợi.		X	X

II. MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA BẠC ĐẠI HỌC

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức TCTN			
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4
PLO 1		x												x	
PLO 2				x	x	x	x	x	x			x	x		x
PLO 3		x	x								x				
PLO 4								x	x	x	x	x	x		x
PLO 5	x														
PLO 6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO 7	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO 8						x	x	x	x	x	x		x		x

III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Cấu trúc khung chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu , (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh): - Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc - Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	15 0	12 0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu , trong đó: - Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc - Kiến thức ngành bắt buộc - Kiến thức ngành tự chọn	24 32 3	4 30 9
	Khoá luận tốt nghiệp/ Học phần bổ sung	3	4
Tổng cộng		77	59
		136	

3.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	MSHP	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố TC		Ghi chú
				LT	TH	
Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu						
Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc						
1	71001001	Triết học Mác-Lênin	3	2	1	
2	71001002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	1	
3	71001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1	
4	71001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	
5	71001005	Lịch sử Đảng CSVN	2	1	1	
6	61086070	Tiếng Anh giao tiếp trong Thực hành nghề nghiệp	3	3	0	
7	71001606	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3	0	
8	71001605	Tin học ứng dụng	2	0	2	
9	71001611	Vật lý – Lý sinh	2	2	0	
10	71001612	Hóa học	2	2	0	
11	71001613	Sinh học và di truyền	2	2	0	
12	71001610	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	

TT	MSHP	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố TC		Ghi chú
				LT	TH	
13	71001011	Giáo dục thể chất 1	1	1	0	
14	71001012	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	
15	71001013	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	
16	71001014	Giáo dục quốc phòng – An ninh	7	7	0	
17	71001015	Thực hành Giáo dục quốc phòng – An ninh	2	0	2	
18	71001001	Triết học Mác-Lênin	3	2	1	
19	71001002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	1	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu						
Kiến thức cơ sở ngành						
20	61002020	Giải phẫu học	3	2	1	
21	61002021	Sinh lý bệnh & Miễn dịch	2	2	0	
22	61002022	Sinh lý học	3	2	1	
23	61002023	Vì sinh – Ký sinh trùng	2	2	0	
24	61002024	Hóa sinh	2	2	0	
25	61002025	Tổ chức y tế	2	2	0	
26	61002026	Tâm lý y học	1	1	0	
27	61002027	Đạo đức nghề nghiệp	1	1	0	
28	61002028	Dịch tễ học	2	2	0	
29	61002029	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	2	0	
30	61002030	Sức khỏe môi trường – Nâng cao sức khỏe hành vi con người	2	2	0	
31	61002051	Nghiên cứu khoa học-Thực hành dựa trên chứng cứ	2	1	1	
32	61002034	Dược lý	2	2	0	
33	61002032	Bệnh học Nội khoa – Ngoại khoa	2	2	0	
Kiến thức ngành bắt buộc						
34	61083040	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	
35	61083041	Điều dưỡng cơ sở 1	2	2	0	
36	61083042	Thực hành Điều dưỡng cơ sở 1	1	0	1	
37	61083074	Điều dưỡng cơ sở 2	2	2	0	
38	61083070	Thực hành Điều dưỡng cơ sở 2	2	0	2	

TT	MSHP	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố TC		Ghi chú
				LT	TH	
39	61083043	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	
40	61083044	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	2	2	0	
41	61083045	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	2	2	0	
42	61083046	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ em	3	3	0	
43	61083047	Hồi sức cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	2	0	
44	61083048	Thực tập lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh	4	0	4	
45	61083049	Giải phẫu sinh lý liên quan đến gây mê hồi sức	2	2	0	
46	61083050	Dược lâm sàng gây mê hồi sức	3	3	0	
47	61083051	Kỹ năng gây mê hồi sức	3	1	2	
48	61083052	Thực tập Kỹ năng gây mê hồi sức	3	0	3	
49	61083053	Gây mê hồi sức cơ bản	2	2	0	
50	61083054	Thực tập gây mê hồi sức cơ bản	3	0	3	
51	61083055	Gây tê cơ bản	2	2	0	
52	61083056	Thực tập gây tê cơ bản	2	0	2	
53	61083057	Gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý	3	3	0	
54	61083058	Thực tập gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý	3	0	3	
55	61083059	Hồi sức và chăm sóc ngay sau phẫu thuật	3	3	0	
56	61083060	Thực tập hồi sức và chăm sóc ngay sau phẫu thuật	3	0	3	
57	61083067	Lãnh đạo và Quản lý điều dưỡng	2	1	1	
58	61086069	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	
Kiểm thức ngành tự chọn (tự chọn 12/24 tín chỉ), sinh chọn 1 trong 2 nhóm						
Nhóm 1: 12TC (LT3 – TH9)						

TT	MSHP	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố TC		Ghi chú
				LT	TH	
59	61085080	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát	1	1	0	
60	61085074	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát	3	0	3	
61	61085081	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật sản phụ khoa	1	1	0	
62	61085075	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật sản phụ khoa	3	0	3	
63	61085082	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật nhi khoa	1	1	0	
64	61085076	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật nhi khoa	3	0	3	
Nhóm 2: 12TC (LT3 – TH9)						
65	61085083	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	1	1	0	
66	61085077	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	3	0	3	
67	61085084	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại thần kinh	1	1	0	
68	61085078	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại thần kinh	3	0	3	
69	61085085	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật bỏng và tạo hình	1	1	0	
70	61085079	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật bỏng và tạo hình	3	0	3	
Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			7			
Khóa luận tốt nghiệp						
71	61086100	Khóa luận tốt nghiệp	7			
Học phần thay thế						
72	61086101	Chuyên đề 1	3	3	0	
73	61086102	Chuyên đề 2	4	0	4	

II. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ PLO

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
71001001	Triết học Mác-Lênin	I							
71001002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	I							
71001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I							
71001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I							
71001005	Lịch sử Đảng CSVN	I							
61086070	Tiếng Anh giao tiếp trong Thực hành Gây mê hồi sức			M,A					
71001606	Tiếng Anh chuyên ngành Gây mê hồi sức			M,A		R			
71001605	Thực hành tin học ứng dụng			M,A					
71001611	Vật lý – Lý sinh					M			
71001612	Hóa học					M			
71001613	Sinh học và di truyền					M			
71001610	Xác suất – Thống kê y học					M			
71001011	Giáo dục thể chất 1	I							
71001012	Giáo dục thể chất 2	I							

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
71001013	Giáo dục thể chất 3	I							
71001014	Giáo dục quốc phòng – An ninh	I							
71001015	Thực hành Giáo dục quốc phòng – An ninh	I				R,M			
61002020	Giải phẫu học					M			
61002021	Sinh lý bệnh & Miễn dịch					R			
61002022	Sinh lý học					M			
61002023	Vi sinh – Ký sinh trùng					M			
61002024	Hóa sinh					M			
61002025	Tổ chức y tế					I			
61002026	Tâm lý y học				R				M
61002027	Đạo đức nghề nghiệp	M			R				M
61002028	Dịch tễ học				R				
61002029	Dinh dưỡng – Tiết chế					R			
61002030	Sức khỏe môi trường – Nâng cao sức khỏe hành vi con người					R			
61002051	Nghiên cứu khoa		M,A	R					

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	học-Thực hành dựa trên chứng cứ								
61002034	Dược lý					M			
61002032	Bệnh học Nội khoa – Ngoại khoa					R			
61083040	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp				M,A				R
61083041	Điều dưỡng cơ sở 1						M,A	M	
61083042	Thực hành Điều dưỡng cơ sở 1						M,A	M	R
61083074	Điều dưỡng cơ sở 2						M,A	M	
61083070	Thực hành Điều dưỡng cơ sở 2						M,A	M	R
61083043	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp						M,A	M	R
61083044	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa						M,A	M	I

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
61083045	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa						M,A	M	I
61083046	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ em						M,A	M	I
61083047	Hồi sức cấp cứu và chăm sóc tích cực						M,A	M	I
61083048	Thực tập lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh						M,A	M	M
61083049	Giải phẫu sinh lý liên quan đến gây mê hồi sức					R	M		
61083050	Dược lâm sàng gây mê hồi sức					R	M		
61083051	Kỹ năng gây mê hồi sức	I	R	M	M	R	M	M	
61083052	Thực tập Kỹ năng gây mê hồi sức	I	R	M	M	R	M	M	
61083053	Gây mê hồi sức cơ bản	I	R	M	M	R	M	M	M
61083054	Thực tập gây mê hồi sức cơ bản	I	R	M	M	R	M	M	M

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
61083055	Gây tê cơ bản	I	R	M	M	R	M	M	M
61083056	Thực tập gây tê cơ bản	I	R	M	M	R	M	M	M
61083057	Gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý	I	R	M	M	R	M,A	M,A	M,A
61083058	Thực tập gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý	I	R	M	M	R	M	M	M
61083059	Hồi sức và chăm sóc ngay sau phẫu thuật	I	R	M	M	R	M	M	M
61083060	Thực tập hồi sức và chăm sóc ngay sau phẫu thuật	I	R	M	M	R	M,A	M,A	M,A
61083067	Lãnh đạo và Quản lý điều dưỡng		M		R			M	R
61086069	Thực tập tốt nghiệp	I	R	R	M	R	M,A	M,A	M,A
61085080	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát	I	R	M	M	R	M	M	M
61085074	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát	I	R	M	M	R	M	M	M

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
61085081	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật sản phụ khoa	I	R	M	M	R	M	M	M
61085075	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật sản phụ khoa	I	R	M	M	R	M	M	M
61085082	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật nhi khoa	I	R	M	M	R	M	M	M
61085076	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật nhi khoa	I	R	M	M	R	M	M	M
61085083	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	I	R	M	M	R	M	M	M
61085077	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	I	R	M	M	R	M	M	M
61085084	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại thần kinh	I	R	M	M	R	M	M	M
61085078	Thực tập Gây mê hồi sức	I	R	M	M	R	M	M	M

Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	trong phẫu thuật ngoại thần kinh								
61085085	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật bỏng và tạo hình	I	R	M	M	R	M	M	M
61085079	Thực tập Gây mê hồi sức trong phẫu thuật bỏng và tạo hình	I	R	M	M	R	M	M	M
61086100	Khóa luận tốt nghiệp	I	R	M	M	R	M,A	M,A	M,A
61086101	Chuyên đề 1	I	R	R	R	R	M,A	M,A	M,A
61086102	Chuyên đề 2	I	R	R	R	R	M,A	M,A	M,A